

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 26/2020/DS-PT

Ngày: 24/02/2020

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”.

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Huyền.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Bằng; bà Lưu Thị Thu Hường.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lưu Thị Ngọc Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đăk Lăk.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đăk Lăk tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hải Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đăk Lăk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 26/2020/TLPT-DS ngày 02/01/2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 23/2019/DS-ST ngày 21/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện M’Đrăk, tỉnh Đăk Lăk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 30/2020/QĐPT-DS ngày 05/02/2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Đức V, sinh năm 1954.

2. *Bị đơn:* Bà Đinh Thị T, sinh năm 1963.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Đỗ Thị H (vợ ông V), sinh năm 1960.

Cùng địa chỉ: Thôn 3, xã C, huyện M, tỉnh Đăk Lăk.

Các đương sự đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN :

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Đức V trình bày:

Ngày 20/02/2017, bà Đinh Thị T viết giấy vay của vợ chồng tôi 24.000.000đ, lãi suất thỏa thuận 2,5%/1 tháng, thời hạn vay 06 tháng, tức ngày 20/8/2017 phải trả.

Trước đó, vợ chồng tôi cho bà T vay tiền nhiều lần nhưng bà T đã thanh toán xong. Đến hạn, bà T không trả nợ cho vợ chồng tôi. Nay tôi khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà T phải trả cho vợ chồng tôi 24.000.000đ nợ gốc và tiền lãi theo quy định pháp luật kể từ ngày vay đến khi bà T trả xong nợ. Theo đơn khởi kiện, tôi yêu cầu bà T trả 18.000.000đ tiền lãi. Nay tôi xin rút lại phần lãi vượt quá theo quy định của pháp luật. Tôi thừa nhận trong giấy vay tiền, toàn bộ chữ viết, ký ghi họ tên là của bà T, tuy nhiên tôi là người viết thêm dòng chữ “2,5-1’-TH” tức lãi 2,5%/tháng).

- Theo bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa bị đơn bà Đinh Thị T trình bày:

Tôi thừa nhận có vay tiền của vợ chồng ông V, bà H nhiều lần, mục đích cho người khác vay lại, chữ viết, ký tên trong giấy vay tiền đề ngày 20/02/2017 là của tôi. Tuy nhiên, tôi không vay 24.000.000đ gốc mà chỉ vay 20.000.000đ với lãi suất thỏa thuận miệng 3%/tháng nhưng thực tế tôi chỉ được nhận 17.000.000đ gốc. Cụ thể: Lần đầu vay 10.000.000đ, lần 2 vay 10.000.000đ, nhưng lần hai ông V tính tiền lãi của lần vay đầu và trừ luôn 3.000.000đ còn lại chỉ đưa cho tôi 7.000.000đ đến ngày 20/02/2017, ông V lại tính tiền lãi thành 7.000.000đ, tôi trả cho ông V 3.000.000đ lãi, còn lại 4.000.000đ tiền lãi ông V cộng gộp vào tiền gốc và yêu cầu tôi phải viết giấy vay 24.000.000đ. Tôi chỉ chấp nhận trả cho vợ chồng ông V, bà H 17.000.000đ gốc và tiền lãi phát sinh theo quy định của pháp luật, tôi chỉ có khả năng trả dần.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đỗ Thị H trình bày: Bà H thống nhất với yêu cầu khởi kiện của ông V.

- Người làm chứng bà Vũ Thị H1 trình bày: Ngày 20/02/2017, ông V có nhờ bà H1 ký làm chứng việc bà T viết giấy nhận nợ của vợ chồng ông V 24.000.000đ. Thực tế bà H1 không chứng kiến việc vay tiền hay thỏa thuận giữa ông V và bà T nhưng sau khi được bà T xác nhận qua điện thoại việc bà T có nợ tiền của vợ chồng ông V 20.000.000đ tiền gốc và 4.000.000đ tiền lãi, đồng thời bà T hẹn thời hạn trả nợ là 06 tháng nên bà H1 mới ký người làm chứng trong giấy vay tiền.

Tại Bản án sơ thẩm số 23/2019/DSST ngày 21/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện M’Đrăk đã quyết định:

Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 244; Điều 220; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật dân sự; Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần khởi kiện của vợ chồng ông Nguyễn Đức V và bà Đỗ Thị H.

Buộc bà Đinh Thị T phải trả cho vợ chồng ông Nguyễn Đức V, bà Đỗ Thị H 30.870.000đ, bao gồm 24.000.000đ nợ gốc và 6.870.000đ tiền lãi theo hợp đồng vay tài sản ngày 20/02/2017.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự 2015.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đức V, bà Đỗ Thị H yêu cầu bà Đinh Thị T phải trả 11.130.000đ tiền lãi.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 05/12/2019, bị đơn có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, bị đơn chỉ đồng ý trả cho nguyên đơn 20.000.000 đồng tiền gốc và lãi trong thời hạn 03 năm.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn giữ nguyên kháng cáo.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk:

Về tố tụng: Thẩm phán, HĐXX, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

Về nội dung: Đề nghị HĐXX phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự - Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày và lời tranh luận của đương sự tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn HĐXX thấy:

[1.] Ngày 20/02/2017, bà T viết và ký giấy vay của vợ chồng ông V, bà H 24.000.000đ, thời hạn vay 06 tháng, hai bên xác nhận có thỏa thuận lãi suất. Xét hợp đồng vay tiền là có thật, quá hạn bà T không trả số tiền đã vay như cam kết là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay. Do đó, Bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà T phải trả 20.000.000đ nợ gốc là khánh quan, có căn cứ, phù hợp với giấy vay tiền lập ngày 20/02/2017, phù hợp với các Điều 463; 466; 470 của BLDS. Xét yêu cầu tính lãi suất của nguyên đơn HĐXX thấy: Quá trình tố tụng các bên đều thừa nhận khi thực hiện giao dịch hai bên có thỏa thuận lãi suất.

Ông V cho rằng, lãi suất thỏa thuận 2,5%/Tháng và thừa nhận chữ viết “ 2,5-1 tháng” (tức lãi 2,5%/tháng) trong giấy vay tiền là chữ viết do ông V viết chèn thêm, còn bà T cho rằng lãi suất thỏa thuận miệng 3%/tháng, tuy nhiên các bên không cung cấp được tài liệu chứng cứ, chứng minh không được bên còn lại thừa nhận. Do đó, có căn cứ xác khi thực hiện giao dịch các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất nên Bản án sơ thẩm buộc bà T phải trả tổng 6.870.000đ tiền lãi là có căn cứ phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 468; khoản 5 Điều 466 của Bộ luật dân sự.

Xét thấy tại đơn khởi kiện ông V yêu cầu bà T phải trả 18.000.000đ tiền lãi. Quá trình tố tụng ông V rút một phần yêu cầu tính lãi đối với số tiền lãi vượt so với quy của pháp luật là tự nguyện, cần chấp nhận. Bản án sơ thẩm đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền lãi 11.130.000đ là có căn cứ.

[2] Xét lời khai nại của bà Đinh Thị T HĐXX thấy: Bà T thừa nhận có vay tiền của vợ chồng ông V, bà H nhiều lần, chữ viết, ký tên trong giấy vay tiền đề ngày 20/02/2017 là của bà T. Tuy nhiên, bà T cho rằng bà không vay 24.000.000đ gốc mà chỉ vay 20.000.000đ và thực tế chỉ được nhận 17.000.000đ gốc. Cụ thể: Lần đầu vay 10.000.000đ, lần 2 vay 10.000.000đ, nhưng lần vay thứ hai ông V tính tiền lãi của lần vay đầu là 3.000.000đ và trừ luôn vào tiền gốc, còn lại bà T thực nhận chỉ 7.000.000đ, đến ngày 20/02/2017, ông V lại tính tiền lãi thành 7.000.000đ, bà T trả cho ông V 3.000.000đ lãi, còn lại 4.000.000đ tiền lãi ông V cộng gộp vào tiền gốc và yêu cầu bà T phải viết giấy vay 24.000.000đ gốc. Bà T chỉ chấp nhận trả cho vợ chồng ông V, bà H 17.000.000đ gốc và tiền lãi phát sinh theo quy định của pháp luật và xin trả dần. HĐXX thấy rằng: Các bên đều thừa nhận bà T vay tiền của ông V nhiều lần, ngoài lần vay ngày 20/02/2017. Tuy nhiên, có căn cứ xác định các lần vay khác bà T đã thanh toán xong cho ông V là hoàn toàn phù hợp với các giấy vay tiền đều đã bị gạch chéo (đồng nghĩa với việc bà T đã thanh toán xong). Do đó, lời khai của bà T là không có căn cứ. Bởi lẽ, bà T không cung cấp được tài liệu chứng cứ để chứng minh, không được ông V, bà H thừa nhận.

[3] Xét kháng cáo của bà T HĐXX thấy: Bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà T phải trả cho ông V tổng 30.870.000đ. trong đó, nợ gốc 24.000.000đ, nợ lãi 6.870.000đ là khách quan, có căn cứ như đã phân tích, đánh giá tại [1], [2]. Sau khi xét xử sơ thẩm, bà T không cung cấp thêm chứng cứ gì mới và tại phiên tòa phúc thẩm ông V xác nhận không đồng ý cho bà T trả dần trong ba năm. Do đó, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bà T, cần giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

[4] Xét thấy, Bản án sơ thẩm tuyên chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông Nguyễn Đức V, bà Đỗ Thị H là không phù hợp. Bởi lẽ, bà H không ký đơn khởi kiện. Ngoài ra, Bản án sơ thẩm áp dụng Điều 357 của BLDS để tính lãi suất của số tiền còn phải thi hành án kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án là không phù hợp với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Đây là thiếu sót, tuy nhiên Bản án sơ thẩm đã giải quyết đúng nội dung vụ việc nên không cần thiết phải sửa Bản án sơ thẩm, cấp phúc thẩm cần tuyên lại cho phù hợp.

[5] Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận một phần nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Đinh Thị T – Giữ nguyên bản án Dân sự sơ thẩm số 23/2019/DS-ST ngày 21/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện M’Đrăk.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần khởi kiện của ông Nguyễn Đức V. Buộc bà Đinh Thị T phải trả cho vợ chồng ông Nguyễn Đức V, bà Đinh Thị H 30.870.000đồng (ba mươi triệu tám trăm bảy mươi ngàn). Trong đó, nợ gốc 24.000.000đ, nợ lãi 6.870.000đ, theo hợp đồng vay tài sản ngày 20/02/2017.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đức V về việc yêu cầu bà Đinh Thị T phải trả 11.130.000 đồng tiền lãi.

[2] Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Đinh Thị T phải chịu 1.543.500 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Đinh Thị T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0003354 ngày 05/12/2019, tại Chi cục thi hành án dân sự huyện M'Đrăk, tỉnh Đắk Lắk.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện M'Đrăk;
- Chi cục THADS huyện M;
- Các đương sự;
-;
- Lưu.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Thị Thanh Huyền